TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HS-ST
Ngày 07-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tư

Bà Lý Thị Thiên Nga

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Đức Huy - Thư ký Toà án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Quảng Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Ngô Quyền, Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 340/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32 /2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2025/QĐST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

Bùi Thị T, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1997 tại Hòa Bình; nơi thường trú: Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; nơi ở: Số B N P, Tổ H, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T1 và Bùi Thị T2; có chồng là anh Vi Hoài S (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Từ ngày 29/8/2024 đến ngày 06/9/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan đến vụ án*:

1. Chị Phạm Phương T3, sinh năm 1989, nơi cư trú: Số H Tổ A cụm A phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Chị Trần Thị T4, sinh năm 1997; nơi thường trú: Xóm G, X, X, tỉnh Nam Định; nơi ở: 7 N, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 28/8/2024, Trần Trung N (sinh năm 1992, địa chỉ số A N, Đ, N, Hải Phòng) và Lưu Hồng P (sinh năm 1970, địa chỉ: số B A, Đ, Ngô Q, Hải Phòng) rủ nhau đến quán K ở số B đường V, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng để tìm mua dâm. Nguyên, P gặp và hỏi Bùi Thị T giới thiệu gái bán dâm. Bùi Thị T đưa ảnh gái bán dâm là Phạm Phương T3 (sinh năm 1989, địa chỉ: số H tổ A cụm A Đ, N, Hải Phòng), Trần Thị T4 (sinh năm 1997, địa chỉ: xóm G X, X, Nam Định) cho N, P và báo giá mua dâm là 2.000.000 đồng/lượt. N, P đồng ý, mỗi người đưa cho Bùi Thị T 2.000.000 đồng. Bùi Thị T nhắn tin qua ứng dụng zalo yêu cầu Trần Thị T4 và T3 đi bán dâm cho N, P. Bùi Thị T đã thỏa thuận, thống nhất trả cho Trần Thị T4 số tiền bán dâm là 1.700.000 đồng/01 lượt, trả cho T3 số tiền bán dâm là 700.000 đồng/01 lượt. Sau đó, Trần Thị T4 đi taxi đến quán K nhận trước từ Bùi Thị T số tiền 1.500.000 đồng rồi cùng N và P đi đến Khách sạn T5 tại số A đường P, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng. Trần Thị T4 cùng P lên phòng 502 thực hiện hành vi mua bán dâm. Cùng lúc đó, T3 tự đi xe taxi đến khách sạn T5 rồi lên phòng 201 thực hiện hành vi mua bán dâm với N. Bao cao su có sẵn trong phòng khách sạn. Đến khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, Công an quận N kiểm tra khách sạn T5 phát hiện tại phòng 201, Phạm Phương T3 đang bán dâm cho Trần Trung N, thu giữ: 01 vỏ bao cao su, 01 điện thoại Huawei màu xanh của T3; tại phòng 502, Trần Thị T4 đang bán dâm cho Lưu Hồng P, thu giữ: 01 vỏ bao cao su, 01 điện thoại Huawei màu đen và số tiền 1.500.000 đồng của Trần Thị T4.

Ngày 29/8/2024, Cơ quan điều tra tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Bùi Thị T, thu giữ của Bùi Thị T 01 điện thoại Samsung S20FE màu xanh và số tiền 2.500.000 đồng.

Dữ liệu điện tử trích xuất từ điện thoại thu giữ của Trần Thị T4, Phạm Phương T3, Bùi Thị T thể hiện nội dung tin nhắn thỏa thuận về việc bán dâm như trên.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSNQ ngày 26 tháng 12 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân Quận Ngô Quyền truy tố bị cáo Bùi Thị T về tội "Môi giới mại dâm" theo điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Ngô Quyền luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; Điều 65; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị T 03 năm tù nhưng cho hưởng án

treo về tội Môi giới mại dâm. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu tiêu hủy đối với 02 vỏ bao cao su.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại Huawei màu xanh thu giữ của Phạm Phương T3; 01 điện thoại Huawei màu đen thu giữ của Trần Thị T4, 01 điện thoại Samsung S20FE màu xanh thu giữ của Bùi Thị T.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 4.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003187 ngày 02 tháng 01 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Bùi Thị T kể từ ngày tuyên án.

- Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi như nội dung nêu trên và bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận N, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Quận Ngô Quyền, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trước đó đã có lời khai ở cơ quan điều tra và việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

- Về tội danh:

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét

có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 28/8/2024, Bùi Thị T có hành vi môi giới cho Trần Trung N mua dâm Phạm Phương T3, môi giới cho Lưu Hồng P mua dâm Trần Thị T4 tại quán K ở số B đường V, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng. Khi N và T3, P và Trần Thị T4 đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại khách sạn T5 tại số A đường P, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng thì bị Công an quận N kiểm tra, phát hiện. Bùi Thị T thu lời 1.600.000 đồng. Hành vi của bị cáo Bùi Thị T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, đủ yếu tố cấu thành tội Môi giới mại dâm quy định tại Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Bị cáo Bùi Thị T đã môi giới mại dâm đối với 02 người bán dâm nên bị cáo Bùi Thị T phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung hình phạt tại điểm đ "đối với 02 người trở lên".

- Về hình phạt:

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ông nội của bị cáo là người có công cách mạng, bố bị cáo được tặng danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến; mẹ bị cáo được Ban chấp hành tỉnh H công nhận đạt danh hiệu "Điện Biên Ấp B" nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, hoàn cảnh bị cáo đã ly hôn chồng và có 01 con sinh ngày 08 tháng 10 năm 2023, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, xét không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp; đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[8] Theo khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[9] Đối với 2 vỏ bao cao su không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Đối với 01 điện thoại Huawei màu xanh thu giữ của Phạm Phương T3, 01 điện thoại Huawei màu đen thu giữ của Trần Thị T4, 01 điện thoại Samsung S20FE màu xanh thu giữ của Bùi Thị T, đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Đối với số tiền 4.000.000 đồng là số tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về án phí:

[12] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về những vấn đề khác:

[13] Đối với người mua, bán dâm thì Công an quận N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 186, 187, 188, 189 ngày 07/11/2024 đối với Lưu Hồng P, Trần Trung N về hành vi "Mua dâm", đối với Trần Thị T4, Phạm Phương T3 về hành vi "Bán dâm".

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; Điều 65, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội "Môi giới mại dâm".

Xử phạt bị cáo Bùi Thị T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 05 (năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Bùi Thị T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

"*1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.*

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị

quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách."

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Bùi Thị T kể từ ngày tuyên án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

+ Tịch thu tiêu hủy đối với 02 vỏ bao cao su.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Huawei màu xanh thu giữ của Phạm Phương T3; 01 điện thoại Huawei màu đen thu giữ của Trần Thị T4, 01 điện thoại Samsung S20FE màu xanh thu giữ của Bùi Thị T.

(theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng).

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0003187 ngày 02 tháng 01 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội, bị cáo Bùi Thị T phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND Quận Ngô Quyền;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- CQCSĐT- Công an TP Hải Phòng;
- PC10 Công an TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Chi cục THA DS Quận Ngô Quyền;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hồng Phương